

CÁC HÌNH THỨC XỬ LÝ VI PHẠM TRONG CÔNG TÁC BV BMNN

I. Về xử lý kỷ luật

1.1 Đối với Đảng viên vi phạm bị xử lý theo Điều 33, Quy định số 69-QĐ/TW ngày 06/7/2022 về kỷ luật tổ chức Đảng, đảng viên vi phạm:

Điều 33. Vi phạm quy định bảo vệ bí mật của Đảng, Nhà nước

1. Đảng viên vi phạm một trong các trường hợp sau gây hậu quả ít nghiêm trọng thì kỷ luật bằng hình thức khiển trách:

a) Vô ý làm lộ, mất thông tin, tài liệu bí mật của Đảng, Nhà nước hoặc thông tin chưa được phép công khai.

b) Không chấp hành nguyên tắc bảo mật trong việc truyền tin, vận chuyển, giao nhận hiện vật, tài liệu bí mật của Đảng, Nhà nước.

c) Vi phạm quy định về bảo vệ bí mật của Đảng, Nhà nước trong hoạt động xuất bản, báo chí và truyền thông khác.

2. Trường hợp đã kỷ luật theo Khoản 1 Điều này mà tái phạm hoặc vi phạm lần đầu gây hậu quả nghiêm trọng hoặc vi phạm một trong các trường hợp sau thì kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo hoặc cách chức (nếu có chức vụ):

a) Cung cấp, tiết lộ trái quy định những thông tin, tài liệu, hiện vật thuộc bí mật của Đảng, Nhà nước cho cơ quan, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

b) Phổ biến, tuyên truyền, viết bài, đăng thông tin, tài liệu thuộc bí mật của Đảng, Nhà nước không đúng đối tượng, phạm vi, thời điểm được phổ biến hoặc công bố.

c) Mang hiện vật, tài liệu thuộc bí mật của Đảng, Nhà nước ra nước ngoài trái quy định.

3. Trường hợp vi phạm Khoản 1, Khoản 2 Điều này gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc vi phạm một trong các trường hợp sau thì kỷ luật bằng hình thức khai trừ:

a) Tự nghiên cứu, sản xuất, sử dụng mật mã để thực hiện hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia.

b) Trao đổi, tán phát thông tin, tài liệu, hiện vật có nội dung thuộc bí mật của Đảng, Nhà nước trên mạng viễn thông, Internet và các phương tiện truyền thông khác. Làm lộ, tiêu hủy, chiếm đoạt, mua bán bí mật của Đảng, Nhà nước.

1.2. Đối với cán bộ, công chức viên, viên chức xử lý kỷ luật theo quy định tại khoản 5 điều 8 và khoản 6 điều 16 Nghị định 112/2020/NĐ-CP ngày 18/9/2020 của Chính phủ về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức có hành vi vi phạm quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước

II. Xử lý vi phạm hành chính về các hành vi vi phạm quy định về bảo vệ bí mật nhà nước theo Điều 19, Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực ANTT, an toàn xã hội; phòng chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; phòng chống bạo lực gia đình:

Điều 19. Vi phạm quy định về bảo vệ bí mật nhà nước

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

- a) Không ban hành quy chế, nội quy bảo vệ bí mật nhà nước trong cơ quan, tổ chức, địa phương theo quy định của pháp luật;
- b) Sao, chụp, lưu giữ, vận chuyển, giao, nhận tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước không đúng quy định của pháp luật;
- c) Không thu hồi tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật;
- d) Mang tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước ra khỏi nơi lưu giữ phục vụ công tác mà không được phép của người có thẩm quyền;
- đ) Không bàn giao tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước khi thôi việc, chuyển công tác, nghỉ hưu, không được phân công tiếp tục quản lý bí mật nhà nước;
- e) Sử dụng bí mật nhà nước không đúng mục đích;
- g) Xác định bí mật nhà nước đối với tài liệu không chứa nội dung bí mật nhà nước, đóng dấu chỉ độ mật lên tài liệu không chứa nội dung bí mật nhà nước không đúng quy định của pháp luật;
- h) Xác định sai độ mật theo quy định của pháp luật;
- i) Không xác định, đóng dấu chỉ độ mật bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

- a) Thu thập bí mật nhà nước không đúng quy định của pháp luật;
- b) Không thực hiện biện pháp ngăn chặn, khắc phục hậu quả khi để xảy ra lộ, mất bí mật nhà nước;
- c) Không thông báo với cơ quan, người có thẩm quyền khi xảy ra lộ, mất bí mật nhà nước;
- d) Không loại bỏ bí mật nhà nước khi chuyển mục đích sử dụng máy tính, thiết bị khác đã dùng để soạn thảo, lưu giữ, trao đổi bí mật nhà nước;
- đ) Tiêu hủy tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước không đúng quy định của pháp luật.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

- a) Soạn thảo, lưu giữ tài liệu có chứa nội dung bí mật nhà nước trên máy tính hoặc thiết bị khác đã kết nối hoặc đang kết nối với mạng Internet, mạng máy tính, mạng viễn thông không đúng quy định của pháp luật;
- b) Sử dụng thiết bị có tính năng thu, phát tín hiệu, ghi âm, ghi hình hoặc hình thức khác trong hội nghị, hội thảo, cuộc họp có nội dung bí mật nhà nước mà không được phép của người có thẩm quyền;
- c) Làm sai lệch, hư hỏng tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước;
- d) Cung cấp, chuyển giao bí mật nhà nước không đúng quy định của pháp luật;
- đ) Vào địa điểm lưu giữ, bảo quản bí mật nhà nước hoặc quay phim, chụp ảnh, vẽ sơ đồ địa điểm lưu giữ, bảo quản bí mật nhà nước mà không được phép của người có thẩm quyền.

4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

- a) Làm lộ bí mật nhà nước; làm mất tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;
- b) Đăng tải, phát tán bí mật nhà nước trên phương tiện thông tin đại chúng, mạng Internet, mạng máy tính và mạng viễn thông không đúng quy định của pháp luật;
- c) Truyền đưa bí mật nhà nước trên phương tiện thông tin, viễn thông không đúng quy định của pháp luật.

5. Hình thức phạt bổ sung

Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với hành vi quy định tại điểm b, d khoản 3 Điều này.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

- a) Buộc nộp lại tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước đối với hành vi quy định tại các điểm b, d, đ và e khoản 1; điểm a khoản 2 và điểm d khoản 3 Điều này;
- b) Buộc thu hồi tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước đối với hành vi quy định tại điểm c khoản 1 Điều này;
- c) Buộc gỡ bỏ tài liệu bí mật nhà nước đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 3 và các điểm b và c khoản 4 Điều này;
- d) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với hành vi quy định tại điểm c khoản 3 Điều này.

III. Xử lý hình sự theo quy định tại Điều 337, Điều 338 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi 2017) với khung hình phạt như sau:

“Điều 337. Tội cố ý làm lộ bí mật nhà nước; tội chiếm đoạt, mua bán hoặc tiêu hủy vật hoặc tài liệu bí mật nhà nước

1. Người nào cố ý làm lộ bí mật nhà nước, chiếm đoạt, mua bán hoặc tiêu hủy vật hoặc tài liệu bí mật nhà nước, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 110 của Bộ luật này, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.
2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:
 - a) Bí mật nhà nước thuộc độ tối mật;
 - b) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;
 - c) Gây tổn hại về quốc phòng, an ninh, đối ngoại, kinh tế, văn hóa.
3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 15 năm:
 - a) Có tổ chức;
 - b) Bí mật nhà nước thuộc độ tuyệt mật;
 - c) Phạm tội 02 lần trở lên;
 - d) Gây tổn hại về chế độ chính trị, độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ.”.

Điều 338. Tội vô ý làm lộ bí mật nhà nước; tội làm mất vật, tài liệu bí mật nhà nước

1. Người nào vô ý làm lộ bí mật nhà nước hoặc làm mất vật, tài liệu bí mật nhà nước, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2. Phạm tội trong những trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

a) Bí mật nhà nước thuộc độ tối mật, tuyệt mật;

b) Gây tổn hại về quốc phòng, an ninh, đối ngoại, kinh tế, văn hóa chế độ chính trị, độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ.

3. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.